

Số: 02/2022/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 34/TTr-SNV ngày 27/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 4 như sau:

“c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

d) Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

“b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 6 như sau:

“c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

d) Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 khoản 7 Điều 8 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Văn phòng, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 như sau:

“2. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

3. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên (hoặc tương đương) trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Chi cục trưởng, Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất

lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh Phó Chi cục trưởng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên (hoặc tương đương) trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức).

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm

2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành Luật. Trường hợp xem xét bổ nhiệm chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng. Trường hợp xem xét bổ nhiệm chức danh Phó

Chánh Văn phòng Sở phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm.

3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đôi với chức danh là viên chức).

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 7 Điều 5 như sau:

“2. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 4 như sau:

“2. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

3. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài chính; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở Tài chính (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch

thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức).

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 7 Điều 5 như sau:

“2. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng thuộc Ban, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng thuộc Ban, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.
Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm dự kiến được bổ nhiệm.

3. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

3. Sửa đổi khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 như sau:

“2. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

3. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

2. Sửa đổi khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Chi cục trưởng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Y tế cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên (đối với chức danh người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tuyến huyện, bệnh viện đa khoa khu vực trực thuộc Sở Y tế: Đã có thời gian đảm nhiệm một trong các chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc Sở, Trưởng khoa, Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng thuộc bệnh viện tuyến tỉnh từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên).

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Phó Chi cục trưởng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Y tế cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh Phó Chi cục trưởng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

2. Sửa đổi khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); Trưởng phòng, Phó

Trưởng phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đôi với chức danh là viên chức).

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư) ”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 7 Điều 5 như sau:

“2. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Công Thương; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Công Thương; người đứng đầu, cấp phó

của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở); tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang’.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giao thông Vận tải

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, Phó Trưởng

phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giao thông Vận tải; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức).

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 5 như sau:

“7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

8. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương

thuộc Sở Xây dựng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Quản lý đô thị cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ đối với chức danh cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở mà đơn vị sự nghiệp công lập đó có tổ chức phòng và tương đương thì người được bổ nhiệm phải có thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều

kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (đối với chức danh là viên chức)”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban, Trưởng phòng Dân tộc huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban, Phó Trưởng phòng Dân tộc huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của ngạch công chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 Điều 5 như sau:

“3. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Sở, Chánh Thanh tra cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Thanh tra tỉnh, Phó Chánh Thanh tra Sở, Phó Chánh Thanh tra cấp huyện từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh, Phó Chánh Thanh tra Sở, Phó Chánh Thanh tra cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử

việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

5. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tại thời điểm xem xét bổ nhiệm đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương trở lên”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tại thời điểm xem xét bổ nhiệm đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương trở lên”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành.

5. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Viên

chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tại thời điểm xem xét bổ nhiệm đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương trở lên”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang; Phó Trưởng Ban Di dân, tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng thuộc Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng thuộc Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang; Phó Trưởng Ban Di dân, tái định cư thuộc Ủy ban nhân

dân huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tại thời điểm xem xét bổ nhiệm đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương trở lên”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 như sau:

“3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

5. Bảo đảm các tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 5 như sau:

“6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019).

7. Thời gian công tác:

a) Đối với chức danh Trưởng phòng: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tại thời điểm xem xét bổ nhiệm đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên hoặc tương đương trở lên”.

Điều 26. Bãi bỏ một số nội dung tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Bãi bỏ khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 8 tại Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân

dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

3. Bãi bỏ khoản 8 Điều 5 tại Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

4. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài chính; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

5. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

6. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

8. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Công Thương; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

9. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giao thông Vận tải.

10. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang; Phó Trưởng Ban Di dân, tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

11. Bãi bỏ khoản 6 Điều 4 tại Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm hoặc đang thực hiện hồ sơ, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan, đơn vị tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính trước ngày 01/8/2021 có bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công thì được thay thế tiêu chuẩn về chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên.

Điều 28. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2022.
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Như Điều 28;
- Báo Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng THCB-KSTTHC, VP UBND tỉnh;
- TP, PTP Nội chính; HC-TC;
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn